

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ M  
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 167/2017/DS-ST

Ngày: 29/9/2017

V/ v Tranh chấp “Đòi tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Ngọc Hạnh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà **Nguyễn Thị Vinh Quang**.

2/ Ông **Đỗ Ngọc Bình**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Phạm Vân Trang** - Cán bộ Toà án nhân dân thành phố M tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố M, tỉnh Tiền Giang: không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại Toà án nhân dân thành phố M xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 213/2017/TLST-DS ngày 23/6/2017 về tranh chấp “Đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 219/2017/QĐ-ST ngày 28/8/2017 giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Phương D**, sinh năm 1990 (Vắng mặt).

Địa chỉ: số 5/10 đường Đ, Phường 8, Thành phố M, Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1986 (Có mặt).

Địa chỉ: số 546A đường A, Phường 5, Thành phố M, Tiền Giang.

\* Bị đơn: Bà **Lê Thị M**, sinh năm 1967 (Vắng mặt).

Địa chỉ: số 416/35/25F đường, Phường 4, Thành phố M, Tiền Giang.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Lê Thanh H**- SN: 1967 (Vắng mặt).

Địa chỉ: số 416/35/25F đường T, Phường 4, Thành phố M, Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, bản khai và tại Tòa hôm nay, ông Nguyễn Minh T- đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Do quen biết nên ngày 24/10/2013 ông Nguyễn Phương D có cho bà Lê Thị M vay 50.000.000 đồng, có làm hợp đồng vay tại Phòng công chứng, lãi suất thỏa thuận 1.000.000 đồng/tháng, thời hạn vay là 6 tháng. Để làm tin bà M có giao cho ông D 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà và chồng là ông Lê Thanh H.

Sau khi ký hợp đồng, bà M có trả tiền lãi cho ông D được 3 tháng thì không trả nữa. Ông D nhiều lần đến gặp bà M để yêu cầu bà trả tiền vốn và lãi suất theo thỏa thuận trong

hợp đồng thì đến ngày 24/8/2014 thì bà M có làm đơn đáo hạn xin gia hạn thêm 6 tháng, đến hết tháng 2/2015 thì sẽ trả đủ lãi và vốn cho ông D. Nhưng sau đó bà M đã không thực hiện theo như thỏa thuận.

Nay ông D yêu cầu bà Lê Thị M trả số tiền vay còn thiếu là 50.000.000 đồng. Trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu tính lãi suất. Ông D đồng ý trả lại cho bà Lê Thị M và ông Lê Thanh H 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 365228 ngày 05/7/2005 do Ủy ban nhân dân Thành phố M cấp cho ông Lê Thanh H và bà Lê Thị M.

Quá trình tố tụng, Tòa án nhân dân Thành phố M đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng qui định nhưng bà Lê Thị M và ông Lê Thanh H không nộp bản tự khai hoặc các văn bản thể hiện ý chí của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, đồng thời bà M, ông H cũng vắng mặt tại các phiên hòa giải. Tại phiên tòa hôm nay, bà M và ông H cũng vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ lời trình bày của ông Nguyễn Minh T- đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định:

Ngày 24/10/2013 ông Nguyễn Phương D có cho bà Lê Thị M vay 50.000.000 đồng, có làm hợp đồng vay tại Phòng công chứng, lãi suất thỏa thuận 1.000.000 đồng/tháng, thời hạn vay là 6 tháng. Khi vay bà M có giao cho ông D 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 365228 ngày 05/7/2005 do Ủy ban nhân dân Thành phố M cấp cho ông Lê Thanh H và bà Lê Thị M .

Sau khi ký hợp đồng, bà M có trả tiền lãi cho ông D được 3 tháng thì không trả nữa. Đến ngày 24/8/2014 bà M có làm đơn đáo hạn xin gia hạn thêm 6 tháng, đến hết tháng 2/2015 thì sẽ trả đủ lãi và vốn cho ông D. Nhưng sau đó bà M đã không thực hiện theo như thỏa thuận. Nên bà M còn nợ ông D số tiền gốc là 50.000.000 đồng.

Do đó tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp “Đòi tài sản” , thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố M. Đối với yêu cầu thanh toán khoản tiền gốc thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện, Tòa án thụ lý giải quyết theo thủ tục chung theo quy định.

Quá trình tố tụng, Tòa án nhân dân Thành phố M đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng qui định nhưng bà Lê Thị M và ông Lê Thanh H không nộp bản tự khai hoặc các văn bản thể hiện ý chí của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, đồng thời bà M, ông H cũng vắng mặt tại các phiên hòa giải. Tại phiên tòa hôm nay, bà M, ông H cũng vắng mặt.

Do đó việc ông Nguyễn Phương D khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị M trả số tiền vay còn nợ là 50.000.000 đồng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu tính lãi suất là có cơ sở chấp nhận.

Việc ông D đồng ý trả lại cho bà Lê Thị M và ông Lê Thanh H 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 365228 ngày 05/7/2005 do Ủy ban nhân dân Thành phố M cấp cho ông Lê Thanh H và bà Lê Thị M là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về án phí: bà Lê Thị M pH chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 184, Điều 185 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 160, Điều 256, Điều 298, Điều 305 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao Hướng dẫn thi hành một số quy định trong Phần thứ nhất “Những quy định chung” của Bộ luật Tố tụng Dân sự đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: 1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Phương D.

Buộc bà Lê Thị M phải trả cho ông Nguyễn Phương D số tiền 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Ghi nhận ông Nguyễn Phương D đồng ý trả cho bà Lê Thị M và ông Lê Thanh H 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 365228 ngày 05/7/2005 do Ủy ban nhân dân Thành phố M cấp cho ông Lê Thanh H và bà Lê Thị M.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên pH thi hành án còn pH chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị M phải chịu 2.500.000 đồng.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Phương D số tiền 1.596.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 32094 ngày 21/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Ông Nguyễn Phương D, đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Phương D có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Lê Thị M, ông Lê Thanh H có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.
- VKS nhân dân Thành phố M.
- Cơ quan Thi hành án dân sự TP M .
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

(Đã ký)

**Trần Ngọc Hạnh**